

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay (kể cả khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động mua, bán nợ của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC); hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ hợp đồng vay, cho vay giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

2. Các cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc mua, bán khoản nợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Mua, bán nợ* là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, theo đó bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.

2. *Khoản nợ được mua, bán* là khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay và khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đang được theo dõi hạch toán nội bảng, ngoại bảng tại bảng cân đối kế toán hoặc đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán của bên bán nợ có đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này và bên nợ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. *Bên bán nợ* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. *Bên mua nợ* là tổ chức, cá nhân, bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân là người cư trú sau:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động mua nợ;

- Tổ chức kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ (không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức khác, cá nhân không kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ.

b) Tổ chức, cá nhân là người không cư trú.

5. *Bên nợ* là tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được mua, bán theo quy định tại hợp đồng cấp tín dụng.

6. *Bên môi giới* là bên trung gian trong giao dịch mua, bán nợ giữa bên mua nợ và bên bán nợ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới.

7. *Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán* gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán.

8. *Giá mua, bán nợ* là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Điều 4. Điều kiện khoản nợ được mua, bán

Các khoản nợ được mua, bán phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Hồ sơ, chứng từ và các tài liệu có liên quan của khoản nợ được mua, bán, hợp đồng bảo đảm (nếu có) do bên bán nợ cung cấp phải phản ánh đầy đủ, chính xác thực trạng khoản nợ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Không có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được mua, bán khoản nợ.

3. Khoản nợ không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm mua, bán nợ trừ trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý bằng văn bản về việc bán nợ.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện mua, bán nợ

1. Hoạt động mua, bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa bên bán nợ, khách hàng và bên bảo đảm.

2. Hoạt động mua, bán nợ do các bên tự thỏa thuận, tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được mua nợ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận hoạt động mua nợ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Giấy phép) và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, trừ trường hợp mua nợ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt. Trường hợp bán nợ thì không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ (trong đó có quy định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua, bán nợ; phương thức mua, bán nợ; quy trình mua, bán nợ; quy trình định giá khoản nợ; quy trình bán đấu giá khoản nợ trong trường hợp tự bán đấu giá khoản nợ và quản trị rủi ro đối với hoạt động mua, bán nợ) trước khi thực hiện mua, bán nợ.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6. Bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán.

7. Tổ chức tín dụng không được bán nợ cho công ty con của chính tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp bán nợ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng mẹ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

8. Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua nợ của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tổ chức tín dụng mẹ có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, trừ trường hợp mua nợ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

9. Trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ, thì bên bán nợ và các bên mua nợ thỏa thuận với nhau về tỷ lệ tham gia, phương thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, phân chia giá trị tài sản đảm bảo (nếu có) cho phần nợ được mua, bán và các nội dung cụ thể khác tại hợp đồng mua, bán nợ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Các khoản nợ được mua, bán nợ phải được theo dõi, hạch toán kế toán và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Nguyên tắc lập hồ sơ:

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ theo mẫu tại Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, cam kết mua nợ là hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cam kết mua nợ là hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) của tổ chức tín dụng thông qua việc đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ; văn bản và bản dịch của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 7. Trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động mua nợ

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu được chấp thuận hoạt động mua nợ lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

2. Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bằng Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nêu rõ lý do.

Điều 8. Đồng tiền giao dịch

1. Đồng tiền sử dụng trong mua, bán nợ là đồng Việt Nam. Việc sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền thanh toán trong giao dịch mua, bán nợ chỉ được thực hiện trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán khoản nợ bằng ngoại tệ cho bên mua nợ là người không cư trú.

2. Đồng tiền thu hồi nợ là đồng tiền của khoản nợ hoặc đồng tiền khác theo thỏa thuận giữa bên mua nợ và bên nợ phù hợp với quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 9. Quy định về quản lý ngoại hối trong hoạt động mua, bán nợ

1. Bên mua nợ, bên bán nợ, bên nợ và các bên liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam khi thực hiện mua, bán nợ và thu hồi khoản nợ được mua.

2. Khi thực hiện mua, bán nợ với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Bên mua nợ sử dụng tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam để thực hiện thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiền mua nợ và các chi phí có liên quan theo hợp đồng mua, bán nợ đối với trường hợp sử dụng đồng tiền mua nợ là đồng Việt Nam;

b) Bên mua nợ là người không cư trú sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ của Bên mua nợ tại nước ngoài để thực hiện thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiền mua nợ và các chi phí có liên quan theo hợp đồng mua, bán nợ đối với trường hợp sử dụng đồng tiền mua nợ là ngoại tệ.

3. Khi thu hồi nợ từ các khoản nợ được mua, số tiền thu hồi nợ phải được chuyển vào 01 (một) tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam và 01 (một) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (đối với trường hợp khoản nợ được thu hồi bằng ngoại tệ) của bên mua nợ mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Trường hợp mua, bán khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay ra nước ngoài hoặc nợ phát sinh do trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh cho bên được bảo lãnh là người không cư trú:

a) Bên bán nợ thực hiện đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

b) Bên mua nợ là người cư trú thực hiện đăng ký kế hoạch thu hồi nợ theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với việc thu hồi nợ nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ mua, bán nợ.

Điều 10. Phương thức mua, bán nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định lựa chọn một trong các phương thức mua, bán nợ sau:

1. Thỏa thuận: thông qua đàm phán trực tiếp giữa bên bán nợ và bên mua nợ hoặc gián tiếp thông qua bên môi giới.

2. Đấu giá: bên bán nợ thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản hoặc tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ.

Điều 11. Hội đồng mua, bán nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng mua, bán nợ phù hợp với điều lệ, quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn (bao gồm cả việc xác định giá mua, bán nợ trong trường hợp mua bán theo thỏa thuận, giá khởi điểm trong trường hợp bán đấu giá khoản nợ) do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định.

Điều 12. Định giá khoản nợ

Việc xác định giá mua, bán nợ đối với mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá được thực hiện như sau:

1. Giá mua, bán nợ, giá khởi điểm được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ khoản nợ, khoản lãi mà bên nợ sẽ phải trả trong tương lai, phân loại nhóm nợ, khả năng thu hồi của khoản nợ và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có).

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện định giá mua, bán nợ đối với mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá để Hội đồng mua, bán nợ quyết định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 13. Hợp đồng mua, bán nợ

1. Hợp đồng mua, bán nợ phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của các bên mua, bán nợ.

2. Hợp đồng mua, bán nợ phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian ký kết hợp đồng mua, bán nợ;
- b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia ký kết hợp đồng mua, bán nợ;
- c) Tên, chức danh người đại diện các bên tham gia ký kết hợp đồng mua, bán nợ;
- d) Tên, địa chỉ của bên nợ và các bên có liên quan (nếu có) tới khoản nợ được mua, bán;
- đ) Chi tiết khoản nợ mua, bán: Số tiền vay, thời gian vay, mục đích vay, giá trị ghi sổ của khoản nợ đến thời điểm thực hiện mua, bán nợ;
- e) Các biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của bên nợ đối với khoản nợ được mua, bán (nếu có);
- g) Giá bán nợ, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán;
- h) Thời điểm, phương thức và thủ tục chuyển giao hồ sơ, chứng từ khoản nợ, bao gồm cả hồ sơ, tài liệu về tài sản bảo đảm của khoản nợ (nếu có); Thời điểm bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ đối với khoản nợ của bên bán nợ;
- i) Quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ, bên mua nợ;
- k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng;
- l) Giải quyết tranh chấp phát sinh.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác trong hợp đồng mua, bán nợ không trái với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ nội dung hợp đồng mua, bán nợ do các bên liên quan thỏa thuận, quyết định trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 14. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ

1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ của bên bán nợ kể từ thời điểm theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ.

2. Bên bán nợ chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ đó (nếu có). Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Việc thực hiện đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Bên mua nợ, bên nợ và bên bảo đảm có thể thỏa thuận việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm đối với khoản nợ được mua, bán phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 15. Mua, bán nợ từ cấp tín dụng hợp vốn

1. Trường hợp thành viên tham gia cấp tín dụng hợp vốn bán một phần hay toàn bộ khoản nợ của mình, thành viên là bên bán nợ và bên mua nợ thỏa thuận thống nhất phương án mua, bán nợ; đồng thời bên bán nợ thông báo việc mua, bán nợ cho các thành viên còn lại bằng văn bản. Trường hợp bán phần nợ của thành viên đầu mối (đầu mối dàn xếp cấp tín dụng hợp vốn, đầu mối cấp tín dụng hợp vốn, đầu mối thanh toán, đầu mối nhận tài sản bảo đảm), bên bán nợ, bên mua nợ và các thành viên còn lại thỏa thuận thống nhất các nội dung thay đổi tại hợp đồng hợp vốn.

Hợp đồng mua, bán nợ trong trường hợp này là bộ phận không tách rời của hợp đồng hợp vốn, hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn ban đầu. Các nội dung quy định tại hợp đồng mua, bán nợ không trái với các nội dung quy định đối với phần nợ tại hợp đồng hợp vốn, hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn.

2. Trường hợp bán toàn bộ khoản nợ, các thành viên cấp tín dụng hợp vốn thỏa thuận thống nhất phương án bán khoản nợ, đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của bên mua nợ

1. Bên mua nợ có các quyền:

a) Yêu cầu bên bán nợ cung cấp thông tin về khoản nợ được mua, bán (bao gồm cả thông tin liên quan đến hình thành, quản lý khoản nợ);

b) Kế thừa đầy đủ các quyền của bên bán nợ đối với khoản nợ theo thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu bên bán nợ chuyển giao hồ sơ và hoàn tất các thủ tục để chuyển giao đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của bên bán nợ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng mua, bán nợ và quy định pháp luật;

d) Yêu cầu bên bán nợ thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ cam kết theo thỏa thuận;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

2. Bên mua nợ có các nghĩa vụ:

a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ;

b) Thanh toán các chi phí (kể cả phí môi giới nếu có) phát sinh trong quá trình mua, bán nợ theo thỏa thuận;

c) Kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của bên bán nợ đối với khoản nợ theo thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ

1. Bên bán nợ có các quyền:

a) Yêu cầu bên mua nợ thanh toán theo thỏa thuận;

b) Yêu cầu bên mua nợ phải thực hiện theo đúng các nghĩa vụ cam kết;

c) Các quyền khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

2. Bên bán nợ có các nghĩa vụ:

a) Thông báo bằng văn bản cho bên nợ và các bên liên quan những nội dung của việc bán nợ chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày các bên ký kết hợp đồng mua, bán nợ hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ. Trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc theo thỏa thuận giữa bên bán nợ và bên nợ hoặc trong trường hợp cần thiết, bên bán nợ thông báo bằng văn bản việc bán nợ cho bên nợ trước khi ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

b) Cung cấp các thông tin liên quan đến khoản nợ được bán theo yêu cầu của bên mua nợ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và không trái với các thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết;

c) Chuyển giao đầy đủ, đúng hạn nguyên trạng hồ sơ khoản nợ theo thỏa thuận cho bên mua nợ;

d) Chuyển giao nguyên trạng quyền, nghĩa vụ đối với khoản nợ được bán bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với biện pháp bảo đảm của khoản nợ, bảo hiểm của khoản nợ (nếu có) cho bên mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ và quy định của pháp luật;

đ) Thanh toán các chi phí (kể cả phí môi giới nếu có) phát sinh trong quá trình mua, bán nợ theo thỏa thuận;

e) Thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận và quy định pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của bên môi giới

1. Bên môi giới có các quyền:

a) Dàn xếp việc mua, bán các khoản nợ cho các bên mua nợ, bên bán nợ;

b) Nhận phí môi giới và được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác liên quan theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng môi giới;

c) Các quyền khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

2. Bên môi giới có các nghĩa vụ:

a) Phản ánh trung thực các thông tin liên quan đến giao dịch mua, bán nợ do các bên cung cấp;

b) Chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin do mình cung cấp;

c) Không được tiết lộ, cung cấp thông tin làm phương hại đến lợi ích của các bên mua nợ, bên bán nợ và các bên liên quan của khoản nợ;

d) Bảo quản các tài liệu được giao để thực hiện môi giới và hoàn trả đầy đủ các tài liệu đó cho các bên mua nợ, bên bán nợ sau khi hoàn thành công việc môi giới;

đ) Thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Điều 19. Xử lý tranh chấp

1. Việc xử lý tranh chấp phát sinh trong hoạt động mua, bán nợ thực hiện theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng mua, bán nợ nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp mua, bán nợ có yếu tố nước ngoài, các bên có thể thỏa thuận luật áp dụng, toà án hoặc trọng tài thương mại nước ngoài để giải quyết tranh chấp phát sinh đối với giao dịch mua, bán nợ nếu việc thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 20. Quản lý đối với các khoản nợ đã mua, bán

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ phải hạch toán theo dõi riêng theo giá mua thực tế của khoản nợ được mua, bán đảm bảo phân định được các khoản nợ mua với các khoản nợ hình thành từ hoạt động cấp tín dụng của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải tính số tiền mua nợ vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên nợ;

b) Việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản nợ đã mua thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này quản lý khoản nợ đảm bảo không trái quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán trong nghiệp vụ mua, bán nợ

1. Xử lý đối với phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ:

a) Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:

- Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong kỳ.

b) Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Việc hạch toán, kế toán trong mua, bán nợ được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ kế toán.

Chương III

BÁO CÁO, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo hoạt động mua, bán nợ (kể cả hoạt động mua, bán nợ qua công ty con, công ty liên

kết) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về báo cáo thống kê đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ban hành quy định nội bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi ký ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tham gia ý kiến về việc chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

c) Đầu mối xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Đầu mối xử lý các vướng mắc liên quan đến việc chấp thuận hoạt động mua nợ theo quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện thanh tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này; Cung cấp cho Vụ Tín dụng các ngành kinh tế thông tin về vi phạm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hoạt động mua, bán nợ.

3. Trách nhiệm của Vụ Tài chính - Kế toán

Hướng dẫn hạch toán kế toán hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về việc chấp thuận hoạt động

mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hợp đồng mua, bán nợ ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thoả thuận đã ký kết. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được chấp thuận hoạt động mua nợ không phải đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015, thay thế Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 26;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Website NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ TDCNK (5).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Thông tư số ... /2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số ... ngày ... của Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng (tên)... về việc thông qua đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ (đối với tổ chức tín dụng);

Căn cứ văn bản của ngân hàng mẹ (tên)... do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... cam kết:

- Các nội dung trong trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ là hoàn toàn chính xác, trung thực;

- Chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (tên)... đang được phép thực hiện hoạt động mua nợ tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài); Ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... được phép thực hiện hoạt động mua nợ tại nước nguyên xứ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan, nếu vi phạm xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....ngày ...tháng...năm....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TCTD, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI**

(ký tên, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

